

Bản án số: 64/2025/ST- DS
Ngày 13/6/2025
V/v: Tranh chấp
Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Duệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Xuân M.

2/ Bà Dương Thị Kim Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mê Linh.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa:**

Ông Phạm Ngọc Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mê Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2024. Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đ-a vụ án ra xét xử số: 45/QĐXX - ST ngày 14/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐ-HPT ngày 29/5/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Ngân hàng V.**

Địa chỉ: quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông H - Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ. Địa chỉ: quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người được ủy quyền lại: Ông V1– Cán bộ Ngân hàng V.

- **Bị đơn:** Ông C, sinh năm 1974 và bà M, sinh năm 1976. HKTT và chỗ ở: H3, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông V1.

Vắng mặt: Ông C, bà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông V1 trình bày:

1/ Về hợp đồng tín dụng: Ngày 30/01/2024, Ngân hàng V và ông C, bà M ký Hợp đồng tín dụng số 3011751.24, nội dung của Hợp đồng như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần; Thời hạn giải ngân: Các khoản tiền vay sẽ được giải ngân trong vòng tối đa 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lần giải ngân đầu tiên không

vượt quá 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Mục đích cấp tín dụng: Vay mua xe ô tô cũ nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; Mục đích tiêu dùng; Lãi suất: Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; chịu sự điều chỉnh chính sách về lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ, phù hợp với qui định của pháp luật. Nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất; kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được qui định cụ thể tại từng đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ....

* *Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ ngày 31/01/2024*: Số tiền đề nghị giải ngân lần này: 200.000.000 đồng; Ngày giải ngân ngày 31/01/2024; Mục đích cấp tín dụng: Vay mua xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; Mục đích tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày 01/02/2024 đến ngày 31/1/2027; Phương thức giải ngân: Vào tài khoản của người thụ hưởng; Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,50%/năm; Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng vào ngày 10; số tiền gốc trả mỗi kỳ là 5.555.000 đ; số tiền gốc còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả nợ gốc đầu tiên ngày 10/3/2024; ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 10; ngày trả nợ lãi đầu tiên ngày 10/3/2024.

2/ *Về tài sản bảo đảm*: 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy X đứng tên C. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số 3011751.24 ngày 03/01/2024

3/ *Về số tiền đã trả*: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 12/6/2025, ông Lưu Văn C, bà M đã trả 15.358.100đ; trong đó tiền gốc là 11.210.000đ; tiền lãi trong hạn đã trả là 4.122.390đ; tiền lãi quá hạn đã trả là 25.710đ.

4/ *Về số tiền còn nợ*: Tính đến hết ngày 12/6/2025, ông C, bà M còn nợ Ngân hàng Vtổng số tiền là 225.738.254 đồng; trong đó: Nợ gốc 188.790.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 28.608.393 đồng.

Do ông C, bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng Vđã nhiều lần đôn đốc nhưng ông C, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Nay, Ngân hàng Vyêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Lưu Văn C, bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Vt toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 12/6/2025 là 225.738.254 đồng; trong đó: Nợ gốc 188.790.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 28.608.393 đồng.

2. Buộc ông C, bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/6/2025 đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông C, bà M không thanh toán tòa bộ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ; tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy Xđúng tên C. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số 3011751.24 ngày 03/01/2024.

4. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông C, bà M tại Ngân hàng V, thì ông C, bà M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng V.

Về án phí sơ thẩm: Ông C, bà M phải chịu theo qui định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến gì thêm.

** Bị đơn ông C vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 29/4/2025, ông C trình bày:*

1/ Về hợp đồng tín dụng: Ngày 30/01/2024, Ngân hàng V và ông Lưu Văn C, bà M ký Hợp đồng tín dụng số 3011751.24, nội dung của Hợp đồng như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày khoản tín dụng được giải ngân hoặc tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, nếu khoản tín dụng được giải ngân nhiều lần; Thời hạn giải ngân: Các khoản tiền vay sẽ được giải ngân trong vòng tối đa 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Lần giải ngân đầu tiên không vượt quá 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Mục đích cấp tín dụng: Vay mua xe ô tô cũ nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; Mục đích tiêu dùng; Lãi suất: Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất; chịu sự điều chỉnh chính sách về lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ, phù hợp với qui định của pháp luật. Nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất; kỳ hạn điều chỉnh lãi suất được qui định cụ thể tại từng đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ....

** Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 31/01/2024:* Số tiền đề nghị giải ngân lần này: 200.000.000 đồng; Ngày giải ngân ngày 31/01/2024; Mục đích cấp tín dụng: Vay mua xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; Mục đích tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng, từ ngày 01/02/2024 đến ngày 31/1/2027; Phương thức giải ngân: Vào tài khoản của người thụ hưởng; Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,50%/năm; Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Hàng tháng vào ngày 10; số tiền gốc trả mỗi kỳ là 5.555.000 đ; số tiền gốc còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả nợ gốc đầu tiên ngày 10/3/2024; ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 10; ngày trả nợ lãi đầu tiên ngày 10/3/2024.

2/ Về tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy Xđúng tên C. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số 3011751.24 ngày 03/01/2024

3/ Về số tiền đã trả: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 21/01/2025, ông C, bà M đã trả 15.258.100đ; trong đó tiền gốc là 11.110.000đ; tiền lãi trong hạn đã trả là 4.122.390đ; tiền lãi quá hạn đã trả là 25.710đ.

4/ Về số tiền còn nợ: Tính đến hết ngày 21/01/2025, ông C, bà M còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền là 210.856.791 đồng; trong đó: Nợ gốc 188.890.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 13.626.930 đồng.

Nay, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông C, bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 21/01/2025 là 210.856.791 đồng; trong đó: Nợ gốc 188.890.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 13.626.930 đồng.

2. Buộc ông C, bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 21/01/2025 đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông C, bà M không thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ đối với tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy X đứng tên Lưu Min C.

4. Nếu số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông C, bà M tại Ngân hàng V, thì ông C, bà M tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng V.

Quan điểm của ông C: Do làm ăn bị thua lỗ, kinh tế gia đình khó khăn nên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng; đề nghị Ngân hàng V xem xét miễn giảm tiền nợ lãi cho ông C, bà M; ông C xin trả dần nợ gốc, mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Nếu ông C, bà M không trả được hết nợ tiền gốc thì Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về án phí sơ thẩm: Giải quyết theo qui định của pháp luật; Ngoài ra, ông C không có ý kiến gì thêm.

* Bị đơn bà M đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà M không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật. vụ án vi phạm thời hạn xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chưa chấp hành theo đúng qui định của pháp luật.

Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ và lời khai các đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ các Điều 147, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;
- Các Điều 351, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 91, 95 - Luật các Tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 4, Điều 300, điều 301- Luật thương mại 2005;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.
- + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V
- + Buộc ông C và bà M phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng V tổng số tiền gốc 188.790.000 đồng và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử.
- + Về án phí: Ông C và M phải chịu mức án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Quá trình xét xử vụ án bị đơn là ông C, bà M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại H3, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, không thay đổi nơi thường trú; đã được Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đến Tòa án làm việc và giao thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giao quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa lần đầu và lần này vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà M và dành quyền kháng cáo cho ông C, bà M theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hai bên tham gia ký kết hợp đồng tín dụng có mục đích vay: Mua ô tô và mục đích tiêu dùng. Vì vậy, vụ án thụ lý quan hệ pháp luật về dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 6 nghị quyết 03/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.

[3] Về thẩm quyền: Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. “Tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình qui định tại Điều 26... của bộ luật này”. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Mê Linh.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về hợp đồng tín dụng số 3011751.24 ngày 30/4/2024: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của nguyên đơn, bị đơn. Nhận thấy: Ngày 30/01/2024, Ngân hàng V và ông C, bà M ký Hợp đồng tín dụng số 3011751.24; Ngân hàng V đã giải ngân theo quy định tại hợp đồng tín dụng; ngày 31/01/2024, ông C, bà M ký khế ước nhận nợ số 3011751(1).24; hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ có nội dung: Số tiền giải ngân 200.000.000 đồng; ngày giải ngân là ngày 31/01/2024; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 01/02/2024 đến ngày 31/1/2027; mục đích vay: Mua xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; Mục đích tiêu dùng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,50%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm. Hoàn trả tiền gốc: Hàng tháng vào ngày 10; số tiền gốc trả mỗi kỳ là 5.555.000 đ; số tiền gốc còn lại trả vào cuối kỳ; ngày trả nợ gốc đầu tiên ngày 10/3/2024; ngày trả lãi: hàng tháng vào ngày 10; ngày trả nợ lãi đầu tiên ngày 10/3/2024. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Vì vậy, có cơ sở và

chứng cứ xác định Ngân hàng V và ông C, bà M có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3011751.24 ngày 30/01/2024 và khế ước nhận nợ số 3011751(1).24 ngày 30/01/2024.

[4.2] *Về tiền nợ gốc*: Ngân hàng V yêu cầu ông C, bà M trả nợ tiền gốc là 188.790.000 đồng. Tính hết ngày 12/6/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của các đương sự. Nhận thấy: Ngày 30/01/2024, Ngân hàng V có cho ông Lưu Minh C, bà M vay số tiền gốc 200.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến hết ngày 12/6/2025, ông C và bà M đã trả cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc là: 11.210.000 đồng. Do ông C và bà M chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu ông C và bà M trả số tiền gốc còn nợ là 188.790.000 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng V là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, buộc ông C và bà M phải trả số tiền còn nợ gốc 188.790.000 đồng cho Ngân hàng V là phù hợp.

[4.3] *Về tiền nợ lãi*: Ngân hàng V yêu cầu ông C, bà M trả nợ tiền lãi trong hạn là: 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 28.608.393 đồng; tính đến hết ngày 12/6/2025.

+ *Về lãi suất cho vay*: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng V. Nhận thấy: Lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm. Theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Luật các tổ chức tín dụng “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”. Theo Mục 3 phần III công văn số 01/2017 ngày 07/4/2017 của Tòa án tối cao về giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ “Đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự”. Vì vậy, có cơ sở chứng cứ xác định lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ *Về lãi trong hạn*: Ngân hàng V yêu cầu ông C và bà M trả nợ tiền lãi trong hạn là 8.339.861 đồng, tính đến hết ngày 12/6/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng V. Nhận thấy: Lãi suất cho vay trong hạn do hai bên thỏa thuận và được ghi trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 10,50%/năm; lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,3%/năm; Lãi suất được Ngân hàng V điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đến hết ngày 12/6/2025 là 13,30%/năm. Lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận trong hợp đồng và được Ngân hàng V tính phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu lãi trong hạn của Ngân hàng V và buộc ông C và bà M phải trả tiền lãi trong hạn là 8.339.861 đồng.

+ *Về lãi quá hạn*: Ngân hàng V yêu cầu ông C và bà M trả nợ tiền lãi quá hạn là 28.608.393 đồng, tính từ ngày 31/01/2024 đến hết ngày 12/6/2025. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng V. Nhận thấy: Lãi suất quá hạn do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng là 150% lãi suất cho vay. Lãi suất quá hạn đã được Ngân hàng V điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng và được tính phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu lãi quá hạn của Ngân hàng

Và buộc ông C và bà M phải trả 28.608.393 đồng tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng Vtính đến hết ngày 12/6/2025.

[4.4] *Về lãi phát sinh*: Ngân hàng Yêu cầu kể từ ngày 13/6/2025, ông C và bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của Ngân hàng V. Nhận thấy: Số tiền nợ lãi trên Ngân hàng Vmới yêu cầu tính đến hết ngày 12/6/2025. Nay Ngân hàng Vtiếp tục yêu cầu ông C và bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 12/6/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Việc Ngân hàng Yêu cầu ông C và bà M tiếp tục trả lãi suất phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 13/6/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ là phù hợp theo qui định của pháp luật và đúng với các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu lãi phát sinh của Ngân hàng V.

[5.5] *Về hợp đồng thế chấp*: Ngân hàng yêu cầu nếu ông C, bà M không thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Vcó quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy Xđứng tên C, để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; lời khai của các đương sự. Nhận thấy: Để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 3011751.24 ngày 03/01/2024; ông C và bà M đã thế chấp tài sản là 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy Xđứng tên C. Việc thế chấp đã được lập thành Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải có số 3011751.24 ngày 03/01/2024, tại Ngân hàng V. Việc thế chấp trên là hoàn toàn tự nguyện. Do đó Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải là hợp pháp. Nếu ông C và bà M không thanh toán số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3011751.24 ngày 03/01/2024 cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Tổng số tiền tranh chấp là: 225.738.254 đồng x 5% = 11.287.000 đồng, ông C và bà M phải chịu để sung công quỹ nhà n-óc.

- Ngân hàng Vkhông phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 26, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 300 Luật thương mại 2005;

- Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Luật Thi hành án dân sự.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; về hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

[2] Buộc ông C, bà M trả Ngân hàng V, tổng số tiền nợ là: 225.738.254 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc 188.790.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 8.339.861 đồng; nợ lãi quá hạn là 28.608.393 đồng; Tính đến hết ngày 12/6/2025.

[3] Buộc ông C, bà M tiếp tục trả các khoản nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng V theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từ ngày 13/6/2025 đến khi ông C, bà M trả hết các khoản nợ tại Ngân hàng V.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Trường hợp ông C, bà M không thanh toán số nợ, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản nợ của ông C, bà M để thu hồi nợ cho Ngân hàng V. Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô cũ, nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT; BKS 30L-XXX; số khung: RLUA441BBKNXXXxx; Số máy X đứng tên C. Theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3011751.24 ngày 03/01/2024, tại Ngân hàng V. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: 11.287.000 đồng (Mười một triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng), ông C, bà M phải chịu để sung công quỹ nhà nước.

- Ngân hàng V không phải chịu án phí nên được trả lại 4.937.000 đồng (Bốn triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0053xxx ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

[6] Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc c- ỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6; 7; 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự đ- ọc thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[7] Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án vắng mặt.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSNDH. Mê Linh.
- TAND TP. Hà Nội.
- THADS huyện Mê Linh
- L- u hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *L-u án.*

Lê Huy Duệ